

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG ỐNG NHỰA PP-R
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 23-9-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI

Phụ tùng ống nhựa PP-R						Phụ tùng ống nhựa PP-R					
STT	Sản Phẩm		PN (bar)	Đơn giá (đồng/cái)		STT	Sản Phẩm		PN (bar)	Đơn giá (đồng/cái)	
	Tên	Quy cách		Chưa thuế	Thanh toán		Tên	Quy cách		Chưa thuế	Thanh toán
1	Nối trơn (Plain socket)	20	20	4.300	4.644	4	Co 90° (90° Elbow)	20	20	8.100	8.748
		25	20	7.200	7.776			25	20	10.800	11.664
		32	20	11.100	11.988			32	20	18.600	20.088
		40	20	17.800	19.224			40	20	30.800	33.264
		50	20	32.200	34.776			50	20	53.600	57.888
		63	20	67.600	73.008			63	20	164.100	177.228
		75	20	106.900	115.452			75	20	214.000	231.120
		90	20	181.000	195.480			90	20	335.800	362.664
		110	20	293.300	316.764			110	20	687.700	742.716
		125	20	553.400	597.672			125	20	1.068.300	1.153.764
		140	20	790.100	853.308			140	20	1.394.400	1.505.952
		160	20	1.107.000	1.195.560			160	20	2.227.600	2.405.808
2	Nối rút (Reducing socket)	25 x 20	20	6.600	7.128	5	Co 45° (45° Elbow)	20	20	6.800	7.344
		32 x 20	20	9.400	10.152			25	20	10.800	11.664
		32 x 25	20	9.600	10.368			32	20	16.100	17.388
		40 x 20	20	14.600	15.768			40	20	32.000	34.560
		40 x 25	20	14.700	15.876			50	20	61.400	66.312
		40 x 32	20	15.000	16.200			63	20	142.100	153.468
		50 x 20	20	25.700	27.756			75	20	211.100	227.988
		50 x 25	20	26.100	28.188			90	20	251.300	271.404
		50 x 32	20	26.500	28.620			110	20	437.700	472.716
		50 x 40	20	26.800	28.944			140	20	1.055.500	1.139.940
		63 x 20	20	49.700	53.676			160	20	1.279.900	1.382.292
		63 x 25	20	50.400	54.432	6	Co đôi 90° ren trong thau (Brass female thread double 90° elbow)	25 x 1/2"	20	188.400	203.472
		63 x 32	20	50.800	54.864						
		63 x 40	20	51.200	55.296						
		63 x 50	20	51.700	55.836	7	Co 90° ren trong thau (Brass female thread 90° elbow)	20 x 1/2"	20	74.600	80.568
		75 x 32	20	88.700	95.796			20 x 3/4"	20	91.000	98.280
		75 x 40	20	96.900	104.652			25 x 1/2"	20	84.800	91.584
		75 x 50	20	96.900	104.652			25 x 3/4"	20	114.100	123.228
		90 x 40	20	140.800	152.064			32 x 3/4"	20	182.000	196.560
		90 x 50	20	140.800	152.064			32 x 1"	20	210.900	227.772
		90 x 63	20	170.800	184.464	8	Co 90° ren ngoài thau (Brass male thread 90° elbow)	20 x 1/2"	20	105.000	113.400
		90 x 75	20	170.800	184.464			20 x 3/4"	20	117.000	126.360
		110 x 50	20	249.500	269.460			25 x 1/2"	20	118.700	128.196
		110 x 63	20	334.900	361.692			25 x 3/4"	20	140.300	151.524
		110 x 75	20	334.900	361.692			32 x 3/4"	20	182.000	196.560
		110 x 90	20	349.800	377.784			32 x 1"	20	223.300	241.164
3	Co 90° rút (90° Reducing elbow)	125 x 90	20	384.300	415.044	9	Chữ T (Tee)				
		125 x 110	20	534.600	577.368			20	20	9.400	10.152
		140 x 110	20	1.136.200	1.227.096			25	20	14.700	15.876
		160 x 110	20	1.190.000	1.285.200			32	20	23.900	25.812
		160 x 125	20	1.196.000	1.291.680			40	20	52.400	56.592
		160 x 140	20	1.208.000	1.304.640			50	20	76.800	82.944
								63	20	184.300	199.044
								75	20	283.700	306.396
								90	20	416.500	449.820
								110	20	643.100	694.548
								125	20	1.386.600	1.497.528
								140	20	1.456.300	1.572.804
								160	20	2.670.100	2.883.708

*** Ghi chú:**

- Sản phẩm phụ tùng ống nhựa PP-R do Nhựa Bình Minh sản xuất. Nếu Quý khách có nhu cầu khác vui lòng liên hệ với chúng tôi.

Phụ tùng ống nhựa PP-R						Phụ tùng ống nhựa PP-R					
STT	Sản Phẩm		PN (bar)	Đơn giá (đồng/cái)		STT	Sản Phẩm		PN (bar)	Đơn giá (đồng/cái)	
	Tên	Quy cách		Chưa thuế	Thanh toán		Tên	Quy cách		Chưa thuế	Thanh toán
10	Nối ren ngoài thau (Brass male thread socket)	20 x 1/2"	20	84.800	91.584	19	Chữ T rút (Reducing tee)	25 x 20	20	14.700	15.876
		20 x 3/4"	20	93.600	101.088			32 x 20	20	25.700	27.756
		25 x 1/2"	20	97.900	105.732			32 x 25	20	26.000	28.080
		25 x 3/4"	20	118.200	127.656			40 x 20	20	56.600	61.128
		32 x 3/4"	20	145.600	157.248			40 x 25	20	57.100	61.668
		32 x 1"	20	213.200	230.256			40 x 32	20	57.600	62.208
		40 x 1.1/4"	20	508.200	548.856			50 x 20	20	99.500	107.460
		50 x 1.1/2"	20	635.200	686.016			50 x 25	20	100.400	108.432
		63 x 2"	20	1.076.300	1.162.404			50 x 32	20	101.300	109.404
		75 x 2.1/2"	20	1.649.700	1.781.676			50 x 40	20	102.300	110.484
11	Nối ren trong thau (Brass female thread socket)	90 x 3"	20	3.334.600	3.601.368			63 x 20	20	172.600	186.408
		110 x 4"	20	5.610.400	6.059.232			63 x 25	20	174.300	188.244
		20 x 1/2"	20	67.100	72.468			63 x 32	20	175.800	189.864
		20 x 3/4"	20	81.900	88.452			63 x 40	20	177.500	191.700
		25 x 1/2"	20	82.000	88.560			63 x 50	20	178.600	192.888
		25 x 3/4"	20	91.500	98.820			75 x 25	20	238.600	257.688
		32 x 3/4"	20	118.300	127.764			75 x 32	20	240.800	260.064
		32 x 1"	20	197.600	213.408			75 x 40	20	242.200	261.576
		40 x 1"	20	327.600	353.808			75 x 50	20	246.700	266.436
		40 x 1.1/4"	20	369.700	399.276			75 x 63	20	246.700	266.436
12	Bộ bích kép: Mặt bích, vai bích kép kèm gioăng (Flange with seal & backing)	50 x 1.1/2"	20	490.500	529.740			90 x 40	20	364.500	393.660
		63 x 2"	20	992.600	1.072.008			90 x 50	20	371.800	401.544
		75 x 2.1/2"	20	1.413.000	1.526.040			90 x 63	20	403.700	435.996
		90 x 3"	20	2.833.500	3.060.180			90 x 75	20	426.900	461.052
		110 x 4"	20	4.108.000	4.436.640			110 x 63	20	627.900	678.132
		32	20	935.900	1.010.772			110 x 75	20	635.400	686.232
		40	20	1.076.400	1.162.512			110 x 90	20	638.400	689.472
		50	20	1.121.300	1.211.004			125 x 75	20	1.160.100	1.252.908
13	Ống tránh (Bridging piece)	63	20	1.228.900	1.327.212			125 x 90	20	1.239.600	1.338.768
		75	20	1.459.100	1.575.828			140 x 63	20	1.638.500	1.769.580
		90	20	1.804.500	1.948.860			140 x 75	20	1.734.200	1.872.936
		110	20	2.357.700	2.546.316			140 x 90	20	1.888.900	2.040.012
		125	20	3.027.400	3.269.592			140 x 110	20	1.941.300	2.096.604
14	Van xoay (Gate valve)	140	20	3.139.500	3.390.660			140 x 125	20	2.326.500	2.512.620
		160	20	3.647.800	3.939.624			160 x 90	20	2.197.700	2.373.516
		20	20	21.200	22.896			160 x 110	20	2.333.900	2.520.612
		25	20	39.800	42.984			160 x 125	20	2.606.900	2.815.452
		32	20	70.600	76.248	20	Chữ T ren ngoài thau (Brass male thread tee)	20 x 1/2"	20	92.700	100.116
15	Van gạt (Ball valve)	40	20	113.000	122.040			20 x 3/4"	20	110.800	119.664
		50	20	209.300	226.044			25 x 1/2"	20	100.600	108.648
		63	20	434.300	469.044			25 x 3/4"	20	121.700	131.436
		20	20	352.800	381.024			32 x 1"	20	255.800	276.264
		25	20	405.900	438.372			50 x 3/4"	20	418.600	452.088
16	Van chặn (Stop valve)	32	20	582.300	628.884			50 x 1"	20	470.600	508.248
		40	20	980.100	1.058.508	21	Chữ T ren trong thau (Brass female thread tee)	20 x 1/2"	20	75.300	81.324
		50	20	1.528.400	1.650.672			20 x 3/4"	20	104.000	112.320
		63	20	2.355.100	2.543.508			25 x 1/2"	20	80.500	86.940
		75	20	6.548.100	7.071.948			25 x 3/4"	20	117.400	126.792
		90	20	8.910.200	9.623.016			32 x 1"	20	256.100	276.588
17	Nắp khóa ren ngoài (Male thread end cap)	20	20	329.700	356.076			50 x 3/4"	20	494.000	533.520
		25	20	405.900	438.372			50 x 1"	20	520.000	561.600
		32	20	574.400	620.352	22	Bộ khớp nối sống (Barrel union)	20	20	52.800	57.024
		40	20	828.500	894.780			25	20	82.000	88.560
		50	20	1.256.200	1.356.696			32	20	119.300	128.844
18	Nắp khóa (End cap)	63	20	1.958.900	2.115.612			40	20	129.200	139.536
		20	20	4.000	4.320			50	20	196.000	211.680
		25	20	6.800	7.344			63	20	457.300	493.884
		32	20	10.300	11.124	23	Khớp nối sống ren ngoài thau (Brass male thread union)	20 x 1/2"	20	187.500	202.500
		40	20	13.700	14.796			25 x 1/2"	20	227.900	246.132
		50	20	25.500	27.540			25 x 3/4"	20	371.800	401.544
		63	20	127.100	137.268			25 x 1"	20	327.800	354.024
		75	20	217.400	234.792			32 x 1"	20	584.400	631.152
		90	20	244.500	264.060			40 x 1.1/4" (*)	20	666.900	720.252
		110	20	269.100	290.628			50 x 1.1/2"	20	1.530.200	1.652.616
								63 x 2"	20	2.069.900	2.235.492

* Ghi chú:

- Sản phẩm phụ tùng ống nhựa PP-R do Nhựa Bình Minh sản xuất. Nếu Quý khách có nhu cầu khác vui lòng liên hệ với chúng tôi.
- (*) Phụ tùng PP-R được sản xuất theo đơn đặt hàng.

Phụ tùng ống nhựa PP-R						Phụ tùng ống nhựa PP-R					
STT	Sản Phẩm		PN (bar)	Đơn giá (đồng/cái)		STT	Sản Phẩm		PN (bar)	Đơn giá (đồng/cái)	
	Tên	Quy cách		Chưa thuế	Thanh toán		Tên	Quy cách		Chưa thuế	Thanh toán
24	Khớp nối sống ren trong thau (Brass female thread union)	20 x 1/2"	20	223.600	241.488	26	Van khớp nối sống ren trong thau (Female Union ball valve)	20 x 1/2"	20	566.900	612.252
		20 x 3/4"	20	178.000	192.240			25 x 3/4"	20	715.000	772.200
		25 x 1/2"	20	213.100	230.148			32 x 1" (*)	20	1.100.700	1.188.756
		25 x 3/4"	20	358.200	386.856						
		25 x 1"	20	244.200	263.736	27	Van khớp nối sống ren ngoài thau (Male Union ball valve)	20 x 1/2"	20	576.400	622.512
		32 x 1"	20	524.900	566.892			25 x 3/4"	20	877.100	947.268
		40 x 1.1/4"	20	822.500	888.300			32 x 1" (*)	20	1.187.100	1.282.068
		50 x 1.1/2"	20	1.432.600	1.547.208						
25	Van khớp nối sống (Union ball valve)	63 x 2"	20	1.909.300	2.062.044	28	Van 1 chiều lá lật khớp nối sống (Double Union check ball valve)				
		20	20	788.600	851.688			20	20	672.300	726.084
		25	20	1.007.700	1.088.316			25	20	851.600	919.728
		32 (*)	20	1.346.600	1.454.328			32 (*)	20	1.247.900	1.347.732
		40 (*)	20	1.960.300	2.117.124						



*** Ghi chú:**

- Sản phẩm phụ tùng ống nhựa PP-R do Nhựa Bình Minh sản xuất. Nếu Quý khách có nhu cầu khác vui lòng liên hệ với chúng tôi.
- (*) Phụ tùng PP-R được sản xuất theo đơn đặt hàng.